

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST

Ngày: 29/3/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 104/2021/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2021/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc dời phiên tòa xét xử vụ án hình sự số 21/2021/TB - TA ngày 27 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc dời phiên tòa xét xử vụ án hình sự số 06/2022/TB –TA ngày 13/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/HSST – QĐ ngày 17/02/2022; Thông báo về việc dời phiên tòa số 08/2022/TB - TA ngày 28/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/HSST – QĐ ngày 15/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc S (tên gọi khác: Tý L), sinh năm: 1996 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 1, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm: 1967 (chết) và bà Lê Thúy H, sinh năm: 1969; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện XM xử phạt 18 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 74/2019/HS-ST ngày 08/11/2019, đã chấp hành xong hình phạt tù và nghĩa vụ đóng án phí.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện XM áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 38/QĐ – TA ngày 12/7/2016, chấp hành xong ngày 16/7/2017.

Bị bắt, tạm giữ ngày: 07/3/2021.

“Bị cáo có mặt”.

2. Phan Văn D, sinh năm: 1994 tại Nghệ An;

Hộ khẩu thường trú: Xóm 11, xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Ấp TĐ, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Cơ khí; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N, sinh năm: 1964 (chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1971; Bị cáo chung sống với chị Sầm Thị Hoàng Y, sinh năm: 1994 (nhưng không đăng ký kết hôn) có 01 con chung sinh năm 2021.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện XM xử phạt 10 tháng tù về tội “chống người thi hành công vụ” theo bản án số 08/2015/HSST ngày 05/02/2015, đã chấp hành xong hình phạt tù và nghĩa vụ đóng án phí.

Bị bắt, tạm giam ngày: 17/3/2021.

“Bị cáo có mặt”.

3. Lê Minh C, sinh năm: 1993 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Ấp TĐ, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bình, sinh năm: 1950 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1955; Bị cáo có vợ tên Đinh Thị Bích P, sinh năm: 1993, có 01 con chung sinh năm 2019.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam ngày: 02/7/2021.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Xuân L (tên gọi khác: Út), sinh năm 1994, nơi cư trú: Ấp 1, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “có mặt”.

Phạm Ngọc Lâm, sinh năm 2003, nơi cư trú: Ấp 1, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

- Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1967; nơi cư trú: Ấp 1, xã BR, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc S quen biết và đã từng sử dụng ma túy với Phan Văn D và Lê Minh C, khoảng 14 giờ ngày 06/3/2021 S liên lạc bằng điện thoại với Ty không rõ lai lịch hỏi mua ma túy đá, sau đó S đón xe buýt tuyến Bình C - Vũng Tàu đến điểm hẹn là khu vực vòng xoay gần Trung tâm Y tế huyện XM gặp Ty mua 2.000.000đ, Ty đưa cho S01 gói nylon bên trong có 03 gói ma túy đá. Ma túy mua được S mang về nhà cất giấu 02 gói, mở 01 gói ra sử dụng một một phần, sau đó nhắn tin rủ D đến nhà S để sử dụng ma túy, D đồng ý nhưng chưa đến thì khoảng 16 giờ cùng ngày Nguyễn Xuân L đến nhà S chơi. Hai người ngồi chơi với nhau được một lúc thì S lấy ma túy trong gói đã dùng dở bỏ một ít vào dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ) của Sơn, rồi hai người cùng sử dụng, sau đó hai người chơi game một lúc thì L đi về nhà. Tiếp tục nhắn tin rủ bạn tên là V không rõ lai lịch nhà ở BR đến chơi, V đến hai người chơi game đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì L quay lại, 03 người tiếp tục chơi game đến khoảng 23 giờ thì D và C đến. Lúc này tại nhà S có 05 người gồm: Sơn, L, V, D và C; S lấy gói ma túy đã dùng dở 02 lần trước bỏ một phần vào nỏ đưa cho D, D dùng bật lửa ga đốt dưới nỏ làm cháy ma túy để tạo khói cho tất cả 05 người cùng sử dụng bằng cách dùng miệng hút khói ma túy và cơ thể. Sau khi sử dụng ma túy khoảng 15 phút sau thì D xin ma túy của S để đưa về ngày mai sử dụng, S đồng ý rồi đưa cho D 01 gói nylon bên trong có ma túy đá, D đưa gói ma túy cho C cất giấu vào phía sau điện thoại di động của D đang cho C mượn chơi game. Khoảng 10 phút sau thì Công an xã BR vào kiểm tra, nghi vấn cả nhóm đã sử dụng ma túy nên yêu cầu giao nộp. Lúc này C trả điện thoại cho D, D lấy ra 01 (một) gói ma túy đã xin của S ra giao nộp; S vào phòng lấy ra 03 (ba) gói ma túy đá giấu dưới nệm giao nộp cho Cơ quan Công an. Vụ việc được Công an xã BR lập biên bản phạm tội quả tang và tạm giữ vật chứng, đối với vật chứng do D và S giao nộp và khai là ma túy đá được niêm phong theo quy định. Trong lúc lực lượng lập biên bản, đối tượng V đã lợi dụng sở hở bỏ trốn, các đối tượng Sơn, D, C, L được đưa về trụ sở để làm việc, sau đó chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công huyện XM để điều tra xử lý theo quy định.

Căn cứ kết luận giám định số: 172 /KLGD - PC09 - MT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thì gói nylon do D giao nộp bên trong có ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,1165 gam; 03 (ba) gói nylon do S giao nộp bên trong có 1,3397 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Vật chứng trong vụ án:

Ma túy còn lại sau giám định được Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu niêm phong trong hai phong bì (01 phong bì ghi số ký hiệu 172/1 ngày 12/3/2021 và 01 phong bì ghi số ký hiệu 172/2);

Vật chứng thu giữ của S gồm: 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp đục 02 lỗ gắn 01 (một) nỏ thủy tinh và 01 (một) ống hút nhựa màu trắng, 01 bật lửa là những công cụ dùng để sử dụng ma túy; 01 điện thoại hiệu Vsmart, kiểu máy: Joy 3, số IMEI: 351726115187168 và 351726115187176, S dùng để liên lạc mua ma túy và rủ nhiều người đến nhà để sử dụng ma túy;

Vật chứng tạm giữ của D gồm: 01 (một) điện thoại Redmi 9 màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu vàng đậm là công cụ D dùng để cất giấu ma túy; giữa ốp lưng và điện thoại có tờ tiền mệnh giá 02 USD là tài sản của D không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Bản cáo trạng số 106/CT - VKS ngày 28/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố các bị cáo Phạm Ngọc S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a và b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Phan Văn D về tội về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Lê Minh C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm a và b khoản 2 Điều 255, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 10 (mười) năm đến 12 (mười hai) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Phạm Ngọc S phải chịu mức hình phạt từ 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng đến 14 (mười bốn) năm tù.

+ Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Phan Văn D từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Phan Văn D phải chịu mức hình phạt từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

+ Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Lê Minh C từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) phong bì đã được niêm phong (01 phong bì ghi số ký hiệu 172/1 ngày 12/3/2021 và 01 phong bì ghi số ký hiệu 172/2 ngày 12/3/2021)

+ 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp đục hai lỗ gắn một nõ thủy tinh và một ống hút nhựa màu trắng.

+ 01 (một) bật lửa ga.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại Vsmart, kiểu máy: Joy 3, số IMEI: 351726115187168 và 351726115187176;

+ 01 (một) điện thoại Redmi 9 màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu vàng đậm

Đối với tờ tiền mệnh giá 02 USD của bị cáo Phan Văn D do không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả cho bị cáo D;

Bị cáo Phạm Ngọc S nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phan Văn D nói lời sau cùng: Bị cáo đã hối lỗi về hành vi mình gây ra mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Lê Minh C nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Các bị cáo Phạm Ngọc S, Phan Văn D, Lê Minh C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo Phạm Ngọc S và Phan Văn D có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ 16 giờ đến 23 giờ, ngày 06/3/2021 bị cáo Phạm Ngọc S có hành vi nhiều lần tổ chức cho bản thân và 04 người là Nguyễn Xuân Lộc, Vũ, bị cáo Phan Văn D và bị cáo Lê Minh C sử dụng ma túy. Bị cáo Phan Văn D có hành vi giúp sức cho bị cáo S tổ chức sử dụng ma túy cho bản thân và

các đối tượng nêu trên tại nhà bị cáo S. Qua kiểm tra cơ quan điều tra phát hiện Phạm Ngọc S có hành vi tàng trữ 03 gói ma túy, Phan Văn D và Lê Minh C có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy.

Theo kết luận giám định số: 172 /KLGD - PC09 - MT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thì gói nylon do Phan Văn D giao nộp bên trong có ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,1165 gam; 03 (ba) gói nylon do Phạm Ngọc S giao nộp bên trong có 1,3397 gam, ma túy, loại Methamphetamine.

Như vậy hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 và tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” và “đối với 02 người trở lên” đối với bị cáo Phạm Ngọc S; đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 và “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết định khung “đối với 02 người trở lên” đối với bị cáo Phan Văn D; đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Minh C. Từ đó, cho thấy bản cáo trạng số 106/CT – VKS ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố các bị cáo Phạm Ngọc S, Phan Văn D và Lê Minh C về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này giữa các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo S và D là đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo S là người khởi xướng, nhiều lần tổ chức, rủ rê việc sử dụng trái phép chất ma túy, là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng, cung cấp ma túy cho nhiều người là Lộc, Vỹ bị cáo D, bị cáo C cùng sử dụng với mình tại nhà của bị cáo S vào ngày 06/3/2021 nên giữ vai trò đầu; ngoài ra bị cáo S còn có hành vi tàng trữ 03 gói ma túy để sử dụng và 01 gói ma túy đưa cho bị cáo D để bị cáo D sử dụng; bị cáo D có vai trò giúp sức cùng với bị cáo S trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 02 người trở lên. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo S phải cao hơn bị cáo D. Bị cáo Phan Văn D và Lê Minh C giữ vai trò đồng phạm về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với gói ma túy bị cáo D đưa cho bị cáo C cất giữ, bị cáo D là người khởi xướng còn bị cáo C là người giúp sức trong việc tàng trữ ma túy nên bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C.

Hành vi của các bị cáo là nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, là một trong những nguyên nhân là phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người nghiện ma túy; bị cáo Phạm Ngọc S từng bị Tòa án nhân dân huyện XM áp dụng biện pháp xử lý hành chính “đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” và có 01 tiền án về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Phan Văn D từng bị xét xử về tội “chống người thi hành công

vụ” nhưng các bị cáo S, D không lấy đó làm bài học sửa đổi bản thân, lại có hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phan Văn D và bị cáo Lê Minh C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Phạm Ngọc S có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội mới nên thuộc tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là những người không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 02 (hai) phong bì đã được niêm phong (01 phong bì ghi số ký hiệu 172/1 ngày 12/3/2021 và 01 phong bì ghi số ký hiệu 172/2 ngày 12/3/2021) là mẫu vật hoàn trả sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ; 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp đục hai lỗ gắn một nõ thủy tinh và một ống hút nhựa màu trắng; 01 (một) bật lửa ga là vật cầm lưu hành, vật liên quan đến vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại Vsmart, kiểu máy: Joy 3, số IMEI: 351726115187168 và 351726115187176 thu của bị cáo S là điện thoại bị cáo S sử dụng để liên lạc mua ma túy và liên lạc rủ rê các đối tượng sử dụng ma túy và 01 (một) điện thoại Redmi 9 màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu vàng đậm thu của bị cáo D, bị cáo D dùng điện thoại để tàng trữ 01 gói ma túy. Do đó, 02 điện thoại này là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với tờ tiền mệnh giá 02 USD thu của bị cáo D do không liên quan đến hành vi phạm tội nên xét trả lại cho bị cáo D.

[8] Về các hành vi khác:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo S khai mua ma túy của đối tượng tên Tuy tại khu vực vòng xoay gần Trung tâm y tế huyện XM, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với đối tượng trên nên tách riêng để tiếp tục điều tra nếu có căn cứ sẽ xử lý bằng vụ án khác là phù hợp.

Đối với người tên Vỹ đã sử dụng ma túy cùng với các bị cáo S, D, C và Lộc nhưng sau đó đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên chưa có cơ sở để xử lý khi nào có cơ sở sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Xuân Llà người đã sử dụng ma túy cùng với bị cáo S, bị cáo D, bị cáo C và Vỹ nhưng không có hành vi tổ chức hoặc giúp sức cho hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm a và b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo: Phạm Ngọc S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/3/2021.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo: Phan Văn D 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung hai tội là 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/3/2021.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo: Lê Minh C 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/7/2021.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) phong bì đã được niêm phong (01 phong bì ghi số ký hiệu 172/1 ngày 12/3/2021 và 01 phong bì ghi số ký hiệu 172/2 ngày 12/3/2021).

+ 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp đục hai lỗ gắn một nõ thủy tinh và một ống hút nhựa màu trắng.

+ 01 (một) bật lửa ga.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại Vsmart, kiểu máy: Joy 3, số IMEI: 351726115187168 và 351726115187176;

+ 01 (một) điện thoại Redmi 9 màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu vàng đậm;

- Trả lại cho bị cáo Phan Văn D: 01 tờ tiền mệnh giá 02 USD;

(Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/11/2021 giữa Công an huyện XM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo Phạm Ngọc S, Phan Văn D và Lê Minh C mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- + Phòng PC10.
- + Phòng PV06.
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo

